TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 187/2026/QĐST-HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 06 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 278/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Cao Xuân T, sinh năm: 1972. Nơi ĐKHKTT: Số A đường B, tổ G KT, phường C, thành phố Đà Nẵng. Địa chỉ hiện nay: Số I đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Trần Thị Minh T1, sinh năm: 1978. Nơi ĐKHKTT: Tổ E, phường C, tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ hiện nay: Số A đường Y, phường H, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 kết hôn với nhau vào năm 2025 có đăng ký kết hôn tại UBND phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 19/05/2025) nay là UBND phường C, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông T và bà T1 về chung sống tại địa chỉ: Số I đường N, phường C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2026 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, kể từ khi xảy ra mâu thuẫn cho đến nay thì vợ chồng ông T và bà T1 đã tự động sống ly thân với nhau, phần ai nấy sống không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy, ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn gia đình ông T và bà T1 đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 xác nhận không có con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 xác nhận không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 đã nộp theo biên lai thu số 0003951 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Ông Cao Xuân T và bà Trần Thị Minh T1 đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND khu vực 3 - Đà Nẵng;*
- *Phòng THADS khu vực 3 - Đà Nẵng;*
- *UBND phường Cẩm Lệ;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

TAND KHU VỰC 3

IMG060526.TL.QDBA 1066

Đỗ Thị Thu Trang